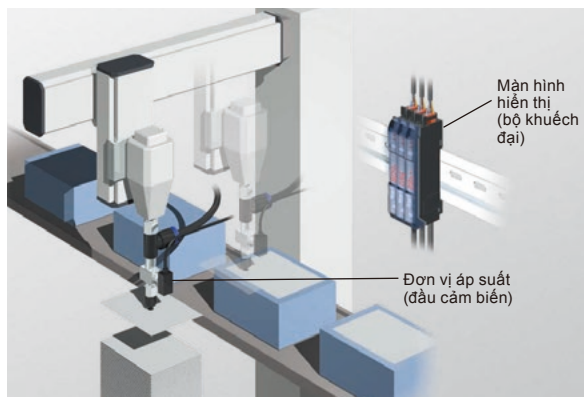


Bộ cảm biến áp suất kỹ thuật số có màn hình hiển thị 2 màu Sê-ri AP-C40W/V40AW/40



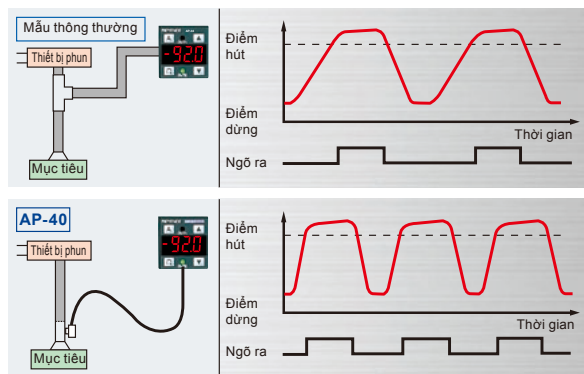
Bộ khuếch đại riêng và đầu cảm biến được tách rời

Kích thước đầu cảm biến nhỏ tiết kiệm không gian. Màn hình hiển thị được gắn ở vị trí dễ nhìn.



Đáp ứng tốc độ cao

Đầu cảm biến siêu nhỏ có thể gắn gần với điểm phát hiện. Do đó, tiết kiệm thời gian đáp ứng do chiều dài của ống thông khí.



Để biết danh sách chứng nhận và tuân thủ tiêu chuẩn, vui lòng xem trang web của chúng tôi.
www.keyence.com.vn/products/certified/

Hỏi KEYENCE

+84-4-3772-5555

www.keyence.com.vn/ASKG








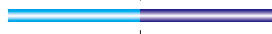


TẢI XUỐNG MIỄN PHÍ

www.keyence.com.vn/DLG

Tải xuống miễn phí sản phẩm và hỗ trợ kỹ thuật tại địa điểm thuận tiện nhất cho khách hàng.




Dòng

Đầu cảm biến

Cấu hình	Định mức phạm vi áp suất*	Loại	Các ứng dụng chính	-100 k	0	100 k	1M (Pa)	Mẫu
	0 đến -101,3 kPa	Áp suất âm	Kiểm tra hút					AP-41M
	0 đến -101,3 kPa	Áp suất âm	Kiểm tra hút					AP-41
	0 đến 1 MPa	Áp suất dương	Điều khiển áp suất nền và kiểm tra rò rỉ					AP-43
	101,3 đến -101,3 kPa	Áp suất hỗn hợp	Kiểm tra hút và kiểm tra bộ ngắt chân không					AP-44
	-101,3 đến +101,3 kPa	Chênh lệch áp suất	Kiểm tra rò rỉ so sánh					AP-48

* Phạm vi áp suất cài đặt phải nằm giữa -15% và +110% trong phạm vi áp suất định mức.

Bộ khuếch đại (Sê-ri AP-C40W/V40AW)


Loại		Mẫu		Hình thức ngoài
		NPN	PNP	
DIN	Thiết bị chính	AP-V41AW	AP-V41AWP	
	Khối mở rộng	AP-V42AW	AP-V42AWP	
Khối lắp phương		AP-C40W	AP-C40WP	

* Đối với bộ phận loại lắp trên thanh ngang (DIN rail), 1 thiết bị chính có thể sử dụng với đến 8 khối mở rộng. Thiết bị chính bao gồm giá gắn và khối mở rộng bao gồm khối đầu cuối.

» Ghi chú

- Loại lắp trên thanh ngang (DIN-rail) hỗ trợ giảm dây dẫn. Khi chỉ sử dụng một khối, thì sử dụng một thiết bị chính. Có thể sử dụng giá lắp đặt bộ khuếch đại để lắp đặt sản phẩm mà không cần thanh ngang (DIN rail) đi cùng với thiết bị chính. Khối đầu cuối dùng để mở rộng hệ thống được bao gồm với khối mở rộng.

Bộ khuếch đại (Sê-ri AP-40)

	Mẫu		Hình thức ngoài
	NPN	PNP	
	AP-40A	AP-40P	

Sản Phẩm Mới

Cảm biến sợi quang

Cảm biến quang điện

Cảm biến tiệm cận

An toàn/ Cảm biến Khu vực

Cảm biến áp suất

Cảm biến đo lường

PLC/ Bảng điều khiển chạm

Hệ thống Servo

Khử tĩnh điện

Hệ thống kiểm tra bằng hình ảnh

Thiết bị đánh dấu

Thiết bị đọc mã













Thiết bị đọc mã vạch cầm tay

Kính hiển vi

Máy chiếu



Các tùy chọn

Sê-ri tương thích	Loại	Mẫu	Hình thức ngoài
Sê-ri AP-C40W	Giá gắn nằm ngang	AP-B01	Mẫu gắn 
	Giá gắn tường	AP-B02	Mẫu gắn 
	Giá gắn tên nhãn	AP-B03	Mẫu gắn 
	Giá gắn nghiêng	AP-B04	Mẫu gắn 
	Giá gắn bảng điều khiển	AP-A01	Mẫu gắn 
Sê-ri AP-40	Giá gắn bảng điều khiển (Bảng điều khiển màu xám)	OP-32908	
	Giá gắn bảng điều khiển (Bảng điều khiển màu đen)	OP-31357	
Tất cả Sê-ri	Khớp nối ống đin vít	OP-33155	M5 (Lỗ cảm khớp nối)  M5 (Lỗ cảm khớp nối) M5 (Phích cảm khớp nối)
	1/8-khớp nối biến đổi	OP-35388	R(PT) 1/8  M5 (Lỗ cảm khớp nối)
	Khớp nối thu nhỏ	OP-33158	M5 (Lỗ cảm khớp nối)  ø6
	Sử dụng Khớp nối loại T ø4	OP-33156	M5 (Lỗ cảm khớp nối)  ø6 ø4
	Sử dụng Khớp nối loại T ø6	OP-33157	M5 (Lỗ cảm khớp nối)  ø6 ø4
	Sử dụng Khớp nối loại T M3	OP-42220	M3 (Lỗ cảm khớp nối)  ø4

Sàn Phẩm Mới

Cảm biến
sợi quangCảm biến
quang điệnCảm biến
tiệm cậnAn toàn/
Cảm biến Khu vựcCảm biến
áp suấtCảm biến
đo lườngPLC/
Bảng điều
khiển chậm

Hệ thống Servo

Khử tĩnh điện

Hệ thống kiểm tra
bằng hình ảnhThiết bị
đánh dấuThiết bị
đọc mãThiết bị đọc
mã vạch cầm tay



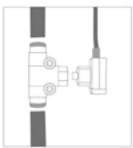
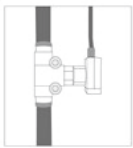

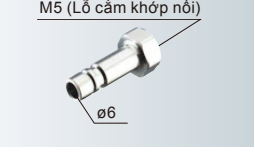
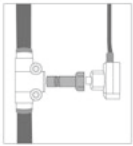
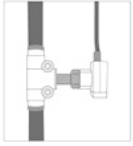

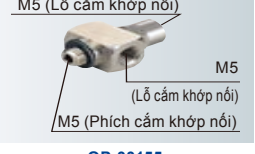
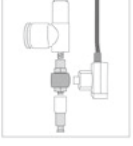
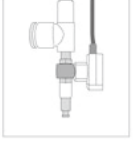
Kính hiển vi

Máy chiếu



Mẫu cài đặt

Tùy chọn mẫu cài đặt cho cảm biến áp suất loại bộ khuếch đại riêng biệt

Vị trí gắn	Tùy chọn sử dụng	Trang bị	Phụ tùng
 <p>Ở giữa ống thông khí</p>	 <p>M5 (Lỗ cắm khớp nối) ø4 M5 (Lỗ cắm khớp nối) ø6 OP-33157/OP-33156 Khớp nối loại T</p>	 <p>Cắt ống thông khí và cài đặt khớp nối loại T.</p>	 <p>Chèn đầu cảm biến và ống thông khí.</p>
 <p>Với khớp nối loại T được lắp sẵn.</p>	 <p>M5 (Lỗ cắm khớp nối) ø6 OP-33158 Khớp nối thu nhỏ</p>	 <p>Khớp nối thu nhỏ định vít vào đầu cảm biến.</p>	 <p>Gắn khớp nối thu nhỏ vào khớp nối loại T.</p>
 <p>Thiết bị giảm và đập</p>	 <p>M5 (Lỗ cắm khớp nối) M5 (Lỗ cắm khớp nối) M5 (Phích cắm khớp nối) OP-33155 Khớp nối ống định vít</p>	 <p>Đặt giữa thiết bị giảm và đập và khớp trực.</p>	 <p>Cùng với thiết bị giảm và đập định vít, khớp trực, và đầu cảm biến.</p>

Sản Phẩm Mới

Cảm biến sợi quang

Cảm biến quang điện

Cảm biến tiệm cận

An toàn/
Cảm biến Khu vực

Cảm biến áp suất

Cảm biến đo lường

PLC/
Bảng điều khiển chạm

Hệ thống Servo

Khử tĩnh điện

Hệ thống kiểm tra bằng hình ảnh

Thiết bị đánh dấu

Thiết bị đọc mã

Thiết bị đọc mã vạch cầm tay

Kính hiển vi

Máy chiếu

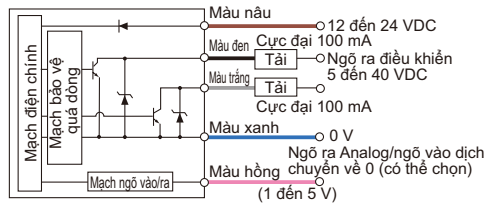


Mạch điện ngõ vào/ra

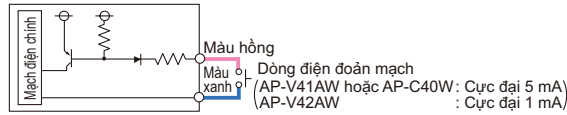
Sê-ri AP-C40W/V40AW

NPN

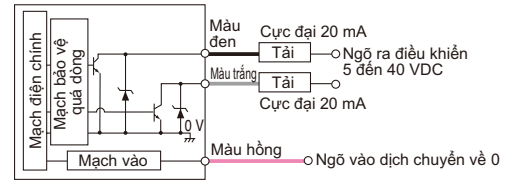
Sơ đồ mạch ngõ vào/ra (AP-V41AW/C40W)



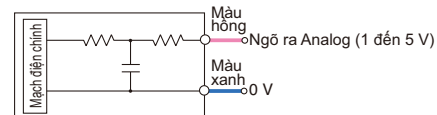
Mạch ngõ vào dịch chuyển về 0 (AP-V41AW/V42AW/C40W)



Sơ đồ mạch ngõ vào/ra (AP-V42AW)

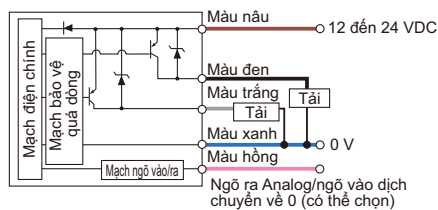


Mạch ngõ ra Analog (AP-V41AW/C40W)

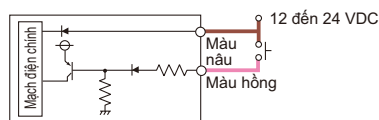


PNP

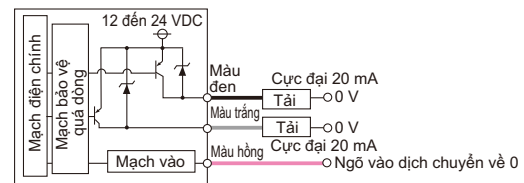
Sơ đồ mạch ngõ vào/ra (AP-V41AWP/C40WP)



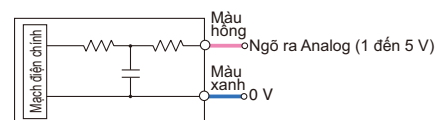
Mạch ngõ vào dịch chuyển về 0 (AP-V41AWP/V42AWP/C40WP)



Sơ đồ mạch ngõ vào/ra (AP-V42AWP)



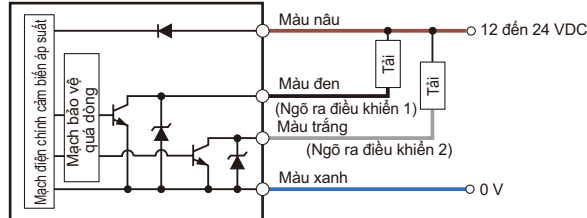
Mạch ngõ ra Analog (AP-V41AWP/C40WP)



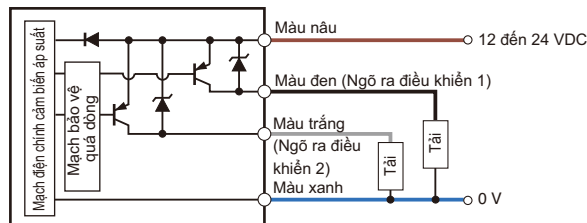
Sê-ri AP-40

Mạch điện ngõ ra

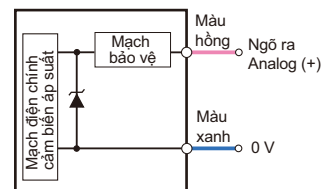
NPN



PNP



Mạch ngõ ra Analog



Sản Phẩm Mới

Cảm biến sợi quang

Cảm biến quang điện

Cảm biến tiệm cận

An toàn/ Cảm biến Khu vực

Cảm biến áp suất

Cảm biến đo lường

PLC/ Bảng điều khiển chậm

Hệ thống Servo

Khử tĩnh điện

Hệ thống kiểm tra bằng hình ảnh

Thiết bị đánh dấu

Thiết bị đọc mã

Thiết bị đọc mã vạch cảm tay

Kính hiển vi

Máy chiếu



Đặc điểm kỹ thuật

Đầu cảm biến

Mẫu	AP-41M	AP-41	AP-43	AP-44	AP-48
Phạm vi áp suất định mức	0 đến -101,3 kPa		0 đến +1.000 MPa	+101,3 đến -101,3 kPa	-101,3 đến +101,3 kPa
Áp suất thử nghiệm	500 kPa		1,5 MPa	500 kPa	
Loại chất lỏng	Không khí hoặc các khí không ăn mòn				
Loại áp suất	Áp suất kế				
Đặc tính nhiệt độ	Tối đa ±2% của F.S.				
Cổng áp suất	Ren ngoài M5 (M3) (AP-41M là M3.)				R(PT) 1/8
Nhiệt độ môi trường xung quanh	0 đến 50°C, không đóng băng				
Độ ẩm môi trường xung quanh	35 đến 85%, không ngưng tụ				
Chống chịu rung	10-55 Hz, 1,5 mm biên độ kép theo các hướng X, Y, và Z, 4 giờ tương ứng				
Chống chịu va đập	1.000 m/s ² theo hướng X, Y, và Z, 10 lần tương ứng (tổng cộng 60 lần)				
Vật liệu	Vỏ bọc: PBT, Đinh vít: Thép không gỉ				
Khối lượng	7 g (không tính dây cáp) 70 g (gồm dây cáp 3-m) (AP-41M: 4,8 g/67,8 g)				35 g (không tính dây cáp) 98 g (gồm dây cáp 3-m)

Bộ khuếch đại (AP-C40W/V40AW)

Mẫu	NPN	AP-V41AW/V42AW/C40W			
	PNP	AP-V41AWP/V42AWP/C40WP			
Đầu cảm biến tương thích	AP-41M/41		AP-43	AP-44	AP-48
Nguồn điện cung cấp	12 đến 24 VDC ±10% với độ gợn (p-p) tối đa 10%				
Dòng điện tiêu thụ	Xem bên dưới				
Màn hình hiển thị	AP-V41AW(P)/V42AW(P)	4 1/2-chữ số, 2-màu sắc, đèn LED 7 đoạn (Chiều cao ký tự: 4,5 mm) Đèn báo AI (màu xanh lá cây) Chu kỳ hiển thị màn hình: 10 lần/giây			
Phạm vi cài đặt và màn hình hiển thị	AP-C40W(P)	3 1/2-chữ số, 2-màu sắc, đèn LED 7 đoạn (Chiều cao ký tự: 11 mm) Chu kỳ hiển thị màn hình: 10 lần/giây			
Đèn báo vận hành	-15 đến +110% của F.S. ²				
Độ phân giải	Chế độ tiêu chuẩn	0,1 kPa	0,001 MPa	0,1 kPa	
	Độ phân giải cao/Chế độ tập trung	0,01 kPa	0,1 kPa	0,02 kPa	
Độ chính xác lặp lại	±0,2% của F.S.				
Tính trễ	Có thể thay đổi (Tiêu chuẩn: 0,5% của FS; độ phân giải cao/chế độ tập trung: 0,1% của F.S.)				
Hiện thị đặc tính nhiệt độ	Tối đa ±1% của F.S.				
Thời gian đáp ứng (chức năng ngăn rung)	1 (chỉ trong chế độ tốc độ cao), 2,5, 5, 100, hoặc 500 ms (có thể lựa chọn)				
Ngõ vào dịch chuyển về 0	Thời gian ngõ vào: từ 2 ms trở lên (hoặc có thể lựa chọn ngõ ra analog)				
Ngõ ra điều khiển	NPN cực thu để hở cực đại 100 mA (từ 40 V trở xuống) ³ với điện áp dư tối đa 1 V, 2 ngõ ra (có thể lựa chọn Thường mở hoặc Thường đóng) NPN cực thu để hở cực đại 100 mA (từ 30 V trở xuống) ³ với điện áp dư tối đa 1 V, 2 ngõ ra (có thể lựa chọn Thường mở hoặc Thường đóng)				
Ngõ ra điện áp Analog ¹	1 đến 5 V với tổng trở tải tối đa 1 kΩ (hoặc cho phép lựa chọn ngõ vào dịch chuyển về 0)				
Nhiệt độ môi trường xung quanh	0 đến 50°C, không đóng băng				
Độ ẩm môi trường xung quanh	35 đến 85%, không ngưng tụ				
Chống chịu rung	10-55 Hz, 1,5 mm biên độ kép theo các hướng X, Y, và Z, 2 giờ tương ứng				
Vật liệu	AP-V41AW(P)/V42AW(P)	Polycarbonate			
	AP-C40W(P)	Vỏ bọc phía trước: Chất dẻo polysulfone, Vỏ bọc phía sau: PBT, Ghế trước: Polycarbonate			
Khối lượng	AP-V41AW(P) và AP-V42AW(P): Xấp xỉ 80 g (gồm dây cáp 2-m) AP-C40W(P): Xấp xỉ 74 g (gồm dây cáp 2-m)				
Phụ kiện	AP-V41AW(P)/V42AW(P)	Giá gắn (AP-V41AW(P)), Khôi đầu cuối (AP-V42AW(P)), Đầu nối chính, và Miếng đệm kín mở rộng (AP-V42AW(P))			
	AP-C40W(P)	Cáp nguồn (dây cáp 2-m với đầu nối), đầu nối chính, và miếng đệm kín			

1. Chỉ ứng dụng trong AP-V41AW(P) (Thiết bị chính) và áp dụng trong AP-C40W(P). 2. Phạm vi tập trung chỉ áp dụng trong chế độ tập trung.
3. Dòng điện cực đại là 20 mA nếu AP-V42AW(P) được lắp đặt như một khối mở rộng.

AP-V41AW(P)/V42AW(P)	12 V (NPN/PNP)	24 V (NPN/PNP)
Bình thường	Cực đại 720 mW (60 mA)/ Cực đại 840 mW (70 mA)	Cực đại 960 mW (40 mA)/ Cực đại 1.200 mW (50 mA)
Chế độ tiết kiệm	Cực đại 480 mW (40 mA)/ Cực đại 600 mW (50 mA)	Cực đại 720 mW (30 mA)/ Cực đại 960 mW (40 mA)

AP-C40W(P)	12 V (NPN/PNP)	24 V (NPN/PNP)
Bình thường	Cực đại 780 mW (65 mA)/ Cực đại 960 mW (80 mA)	Cực đại 1.080 mW (45 mA)/ Cực đại 1.440 mW (60 mA)
Chế độ tiết kiệm	Cực đại 540 mW (45 mA)/ Cực đại 660 mW (55 mA)	Cực đại 840 mW (35 mA)/ Cực đại 1.080 mW (45 mA)

Bộ Khuếch đại (AP-40)

Mẫu	NPN	AP-40		
	PNP	AP-40P		
Đầu cảm biến tương thích	AP-41		AP-43	AP-44
Nguồn điện cung cấp	12 đến 24 VDC ±10%, Độ gợn (P-P): tối đa 10%			
Dòng điện tiêu thụ	105 mA (12 V), 55 mA (24 V) (bao gồm đầu cảm biến)			
Màn hình hiển thị	3 1/2-chữ số, 2-màu sắc, đèn LED 7 đoạn (Chiều cao ký tự: 11 mm) Chu kỳ hiển thị màn hình: 5 lần/s			
Phạm vi áp suất có thể phát hiện	-15% đến +110% của F.S.			
Độ phân giải màn hình	0,1 kPa, 1 mmHg, 0,1 inchHg, 0,001 bar	0,001 MPa, 0,01 kgf/cm ² 0,2 PSI, 0,01 bar		0,2 kPa, 2 mmHg 0,1 inchHg, 0,002 bar
Thời gian đáp ứng (chức năng ngăn rung)	2,5/5/100/500 ms			
Ngõ ra điều khiển	NPN: Cực đại 100 mA (tối đa 40 V), Điện áp dư: Tối đa 1 V 2-ngõ ra (có thể lựa chọn Thường mở/Thường đóng)			
Ngõ ra điện áp Analog	1 đến 5 V			
Dao động nhiệt độ cho hiển thị màn hình	Tối đa ±1,0% của F.S.			
Dao động nhiệt độ cho ngõ ra analog	Tối đa ±2,0% của F.S.			
Nhiệt độ môi trường xung quanh	0 đến 50°C, không đóng băng			
Độ ẩm tương đối	35 đến 85%, không ngưng tụ			
Chống chịu rung	10-55 Hz, 1,5 mm biên độ kép theo các hướng X, Y, và Z, 2 giờ tương ứng			
Chống chịu va đập	100 m/s ² theo hướng X, Y, và Z, 3 lần tương ứng			
Vật liệu	Vỏ bọc phía trước: Poliamit, Bảng điều khiển phía trước: PET, Vỏ bọc phía sau: Chất dẻo polysulfone, Cáp: Cáp Cabtyre không thấm dầu			
Cẩn	Gắn bảng giá gắn đã được cung cấp (2 loại) hoặc giá gắn bảng điều khiển tùy chọn ¹			
Khối lượng	80 g (bao gồm dây cáp 2 m) (28 g không tính dây cáp)			

1. Hai loại giá gắn bảng điều khiển đang có mặt trên thị trường: OP-31357 (màu đen) và OP-32908 (màu xám).

Sản Phẩm Mới

Cảm biến sợi quang

Cảm biến quang điện

Cảm biến tiệm cận

An toàn/ Cảm biến Khu vực

Cảm biến áp suất

Cảm biến đo lường

PLC/ Bảng điều khiển chạm

Hệ thống Servo

Khử tĩnh điện

Hệ thống kiểm tra bằng hình ảnh

Thiết bị đánh dấu

Thiết bị đọc mã

Thiết bị đọc mã vạch cầm tay

Kính hiển vi

Máy chiếu

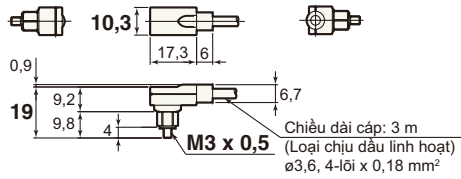


Kích thước

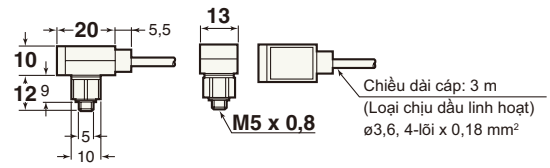
Đơn vị: mm

Đầu cảm biến

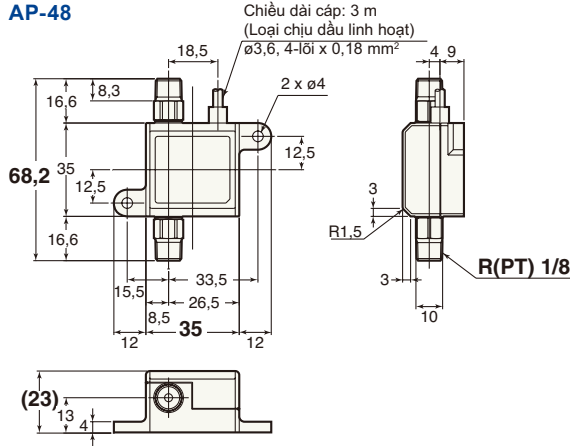
AP-41M



AP-41/43/44

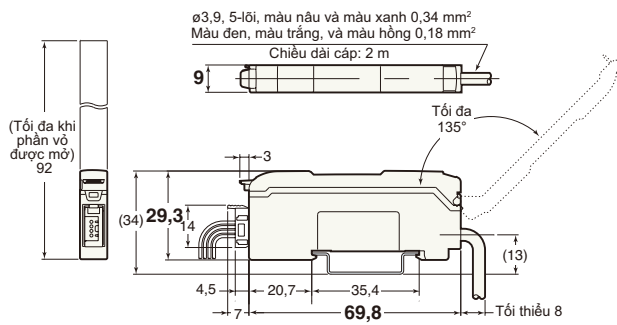


AP-48

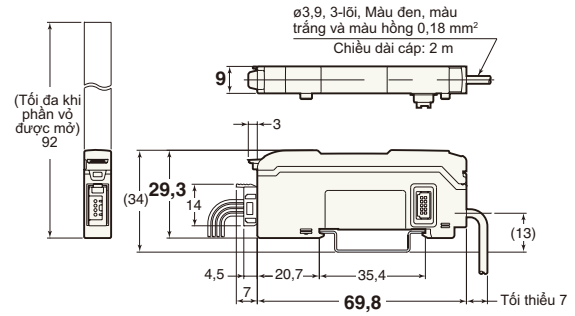


Bộ khuếch đại

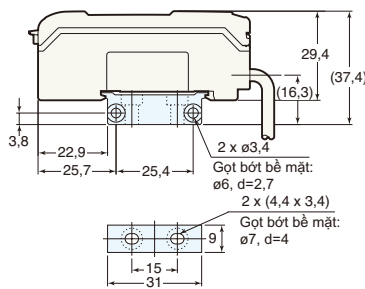
Sê-ri AP-V41AW(P)



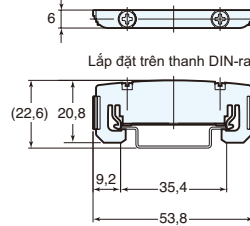
Sê-ri AP-V42AW(P)



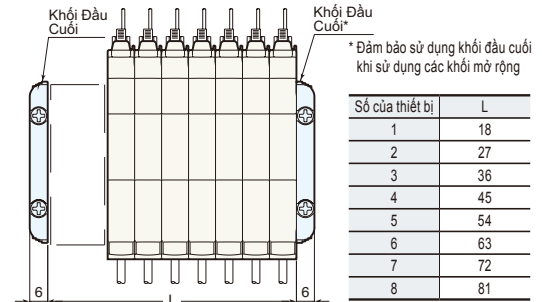
Khi lắp giá lắp đặt vào (gồm AP-V41AW(P))



Khối đầu cuối (gồm AP-V42AW(P))

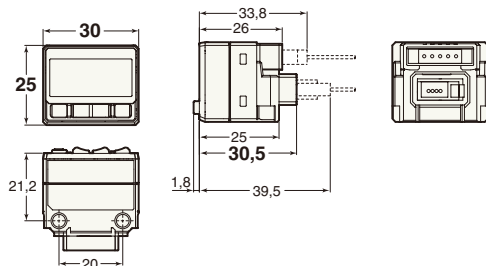


Khi kết nối nhiều thiết bị:

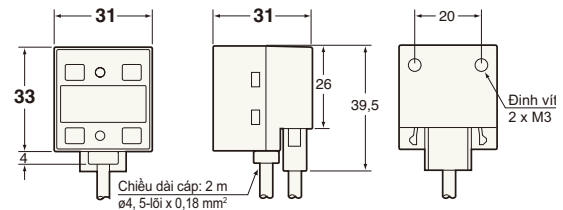


Bộ khuếch đại

Sê-ri AP-C40W(P)



AP-40A(P)



AP-40 Phụ kiện

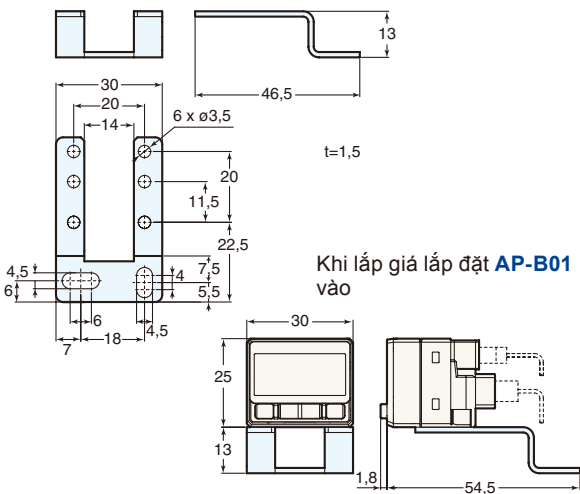
Giá lắp đặt A	x1
Giá lắp đặt B	x1
Nhãn dán tham khảo nhanh	x1

AP-41/43/44 Phụ kiện

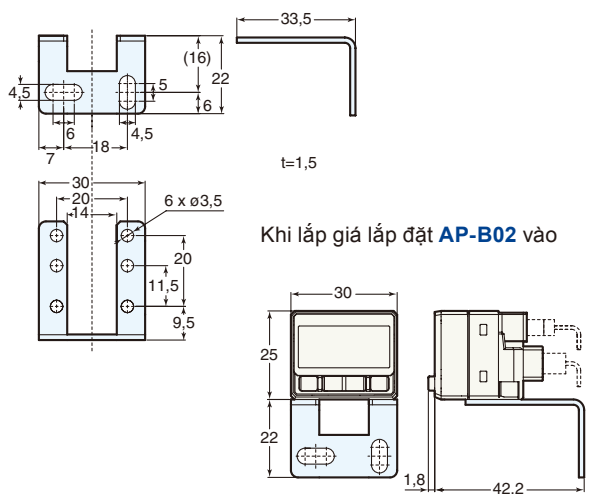
Đầu nối thay thế	x1
------------------	----



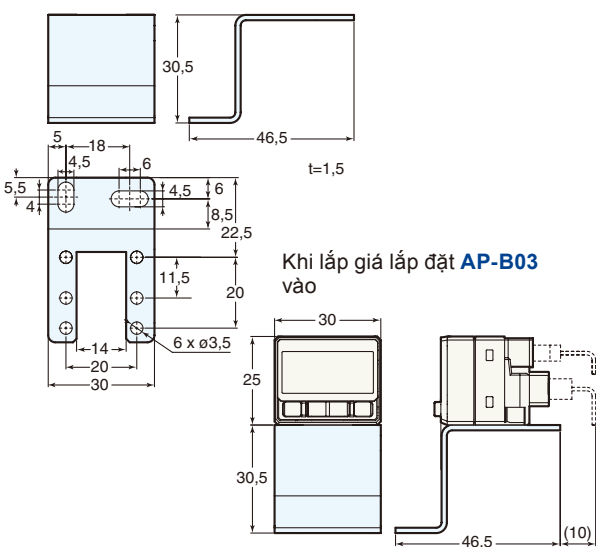
Giá lắp đặt **AP-B01** (Tùy chọn)



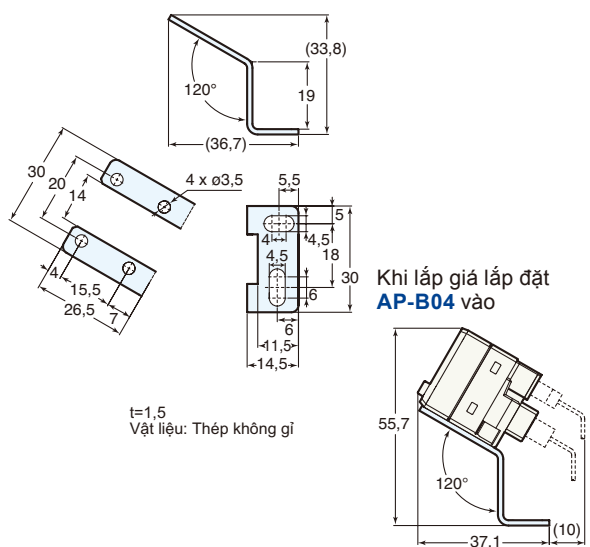
Giá lắp đặt **AP-B02** (Tùy chọn)



Giá lắp đặt **AP-B03** (Tùy chọn)

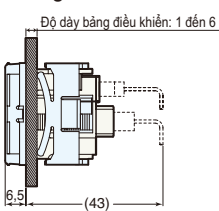


Giá lắp đặt **AP-B04** (Tùy chọn)

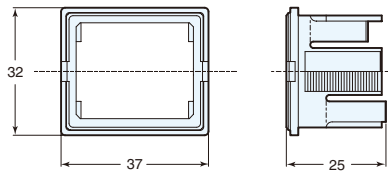


Khi được lắp ngang bằng trên bảng điều khiển với **AP-A01** (Tùy chọn)

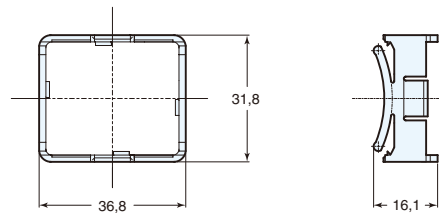
Mẫu gắn



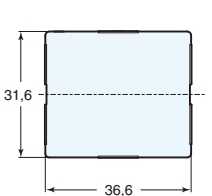
Giá lắp đặt bảng điều khiển



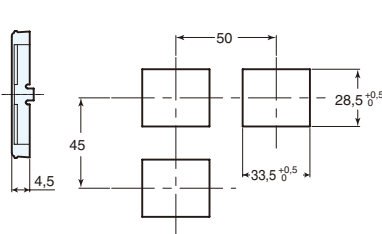
Vòng gắn bảng điều khiển



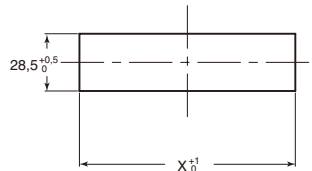
Vỏ bảo vệ phía trước



Kích thước cầu chì bảng điều khiển

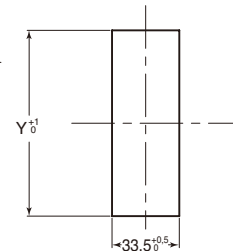


(Gắn liền kề sát nhau theo chiều ngang)



Số bộ phận được lắp đặt: A
X=33,5 + (A-1) x 37

(Gắn liền kề sát nhau theo chiều dọc)



Số bộ phận được lắp đặt: A
Y=28,5 + (A-1) x 32

Sản Phẩm Mới

Cảm biến sợi quang

Cảm biến quang điện

Cảm biến tiệm cận

An toàn/ Cảm biến Khu vực

Cảm biến áp suất

Cảm biến đo lường

PLC/ Bảng điều khiển chạm

Hệ thống Servo

Khử tĩnh điện

Hệ thống kiểm tra bằng hình ảnh

Thiết bị đánh dấu

Thiết bị đọc mã

Thiết bị đọc mã vạch cầm tay

Kính hiển vi

Máy chiếu

